TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **128**/2022/QĐST-HNGĐ	*Mỏ Cày Nam, ngày 05 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 146/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Mỹ C, sinh năm 1987;
Hộ khẩu thường trú: Ấp HP, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp *, xã HV, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Lê Hoàng Gi, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Ấp HP, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn R, sinh ngày 1960 và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: Ấp HP, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Mỹ C và anh Lê Hoàng Gi.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: chị Huỳnh Mỹ C và anh Lê Hoàng Gi thống nhất sau khi ly hôn anh Lê Hoàng Gi tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Lê Thu Tr, sinh ngày 20/10/2014; Chị Huỳnh Mỹ C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Lê Hoàng Gi không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Huỳnh Mỹ C và anh Lê Hoàng Gi thống nhất sau khi ly hôn anh Gi được quản lý, sử dụng ngôi nhà trên thửa đất số ***, tờ bản đồ số **, tọa lạc tại ấp HP, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre và anh Gi có nghĩa vụ thanh toán cho chị C ½ giá trị ngôi nhà với số tiền 133.417.696 (Một trăm ba mươi ba triệu bốn trăm mười bảy nghìn sáu trăm chín mươi sáu) đồng. Thời hạn thanh toán: Khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về nợ chung: Chị Huỳnh Mỹ C và anh Lê Hoàng Gi thống nhất sau khi ly hôn chị C, anh Gi, mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Văn R và bà Nguyễn Thị C1 số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng và 01 (một) chỉ 05 (năm) phân vàng 24K 9999. Thời hạn hoàn trả: Khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Huỳnh Mỹ C tự nguyện chịu nên phải nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số ******* ngày **/*/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên hoàn trả lại cho chị C 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai nêu trên.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Hoàng Gi tự nguyện chịu 3.335.000 (Ba triệu ba trăm ba mươi lăm

nghìn) đồng nên phải nộp 3.335.000 (Ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

Chị Huỳnh Mỹ C tự nguyện chịu 3.335.000 (Ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.080.000 (Mười triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số ******* ngày **/*/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên hoàn trả lại cho chị C 6.745.000 (Sáu triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai nêu trên.

Hoàn trả cho ông Lê Văn R và bà Nguyễn Thị C1 số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 (Hai triệu) đồng và 687.500 (Sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số *******, ******* cùng ngày **/*/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

- Về chi phí tố tụng khác: Chị Huỳnh Mỹ C tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản số tiền là 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng và đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKS nhân dân huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn (1b)
- Đương sự (4b);
- Lưu: hồ sơ, VP (2b).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Kim Sang